

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Quý I

Quý II

Quý III

Quý IV

(Báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng 01; tháng 4; tháng 7 và tháng 10 đến ngày cuối cùng của tháng 3; tháng 6; tháng 9; tháng 12 hằng năm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở cung cấp nước: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Địa chỉ: Số 39, đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, TP Hồ Chí Minh.

3. Công suất thiết kế, tổng số HGD được cung cấp nước:

- Cơ sở 1 (Khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu cũ): Công suất thiết kế 53.400 m³/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 94.463 khách hàng (Hộ dân, doanh nghiệp, cơ quan tổ chức).

- Cơ sở 2 (Khu vực Bình Dương cũ): Công suất thiết kế 38.182 m³/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 43.833 khách hàng (Hộ dân, doanh nghiệp, cơ quan tổ chức).

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Cơ sở 1 (Khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu cũ):

+ 05 nhà máy khai thác nước mặt gồm nhà máy: Châu Pha, Đá Bàn, Sông Ray, Sông Hỏa, Hòa Hiệp.

+02 nhà máy khai thác nước ngầm gồm: Long Tân, Cù Bị.

- Cơ sở 2 (Khu vực Bình Dương cũ):

+ 03 Trạm khai thác nước mặt gồm các trạm: Lạc An, Định Thành, Tam Lập.

+ 01 Trạm khai thác nước mặt + nước ngầm: Thạnh Hội.

+ 25 Trạm khai thác nước ngầm gồm các trạm: Bạch Đằng, An Bình, Phước Hòa, Vĩnh Hòa, Tân Long, Minh Tân, Minh Thạnh, Thanh An, Định Hiệp, Long Hòa, Tân Bình, Bình Mỹ, Tân Lập, Hiếu Liêm 1 (Cây Dừng), Hiếu Liêm 2 (cây Dâu), An Linh, An Thái, Phước Sang, Tân Hiệp, Trừ Văn Thố, An Lập, Thanh Tuyên, Long Tân, Minh Hòa, Định Lộc.

5. Thời gian kiểm tra: Quý II năm 2026.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC.

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước, tần suất thực hiện nội kiểm và chế độ thông tin báo cáo:

Hồ sơ theo dõi quản lý chất lượng nước			Số lượng mẫu và các thông số thử nghiệm nội kiểm trong kỳ báo cáo	Tần suất thực hiện nội kiểm	Chế độ thông tin báo cáo	Các biện pháp khắc phục
Lập hồ sơ	Hồ sơ đầy đủ theo quy định	Nếu không đầy đủ hồ sơ thì thiếu tài liệu gì				
Có	Có	Không	Đầy đủ theo quy định	Đúng theo quy định	Đúng theo quy định	Không

Nhận xét: Các hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước, tần suất thực hiện nội kiểm và chế độ thông tin báo cáo, thực hiện đúng theo quy định.

2. Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo:

- Cơ sở 1 (Khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu cũ):

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Tổng số đơn vị cấp nước trực thuộc	07	
Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm nhóm A	69	
Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm nhóm B	23	
Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn (tỷ lệ)	100%	
Tổng số mẫu nước không đạt quy chuẩn (tỷ lệ)	0%	
Các thông số không đạt (Ghi số lượng mẫu và tỷ lệ %)	0%	

- Cơ sở 2 (Khu vực Bình Dương cũ):

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Tổng số đơn vị cấp nước trực thuộc	29	
Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm nhóm A	217	
Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm nhóm B	77	
Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn (tỷ lệ)	100%	
Tổng số mẫu nước không đạt quy chuẩn (tỷ lệ)	0%	
Các thông số không đạt (Ghi số lượng mẫu và tỷ lệ %)	0%	

C. KẾT QUẢ NGOẠI KIỂM:

Trong kỳ không có đơn vị nào thực hiện công tác ngoại kiểm tại các nhà máy cấp nước.

1. Các đơn vị thực hiện ngoại kiểm trong kỳ báo cáo

TT	Tên đơn vị thực hiện ngoại kiểm	Số lần ngoại kiểm	Nội dung ngoại kiểm	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước (có, không)
1.	Không có			

2. Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong kỳ báo cáo

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Tổng số đơn vị cấp nước trực thuộc được ngoại kiểm	0	
Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm	0	
Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn (tỷ lệ)	0	
Tổng số mẫu nước không đạt quy chuẩn (tỷ lệ)	0	
Các thông số không đạt (Ghi số lượng mẫu và tỷ lệ %)	0	

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không./

(Đính kèm các kết quả phân tích tại Webservice:
<https://trungtamnuocbrvt.com.vn/category/chat-luong-nuoc/>)

Nơi nhận:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP Hồ Chí Minh (báo cáo);
- Trung tâm Y tế khu vực Tân Uyên (báo cáo);
- Trung tâm Y tế khu vực Bắc Tân Uyên (báo cáo);
- Trung tâm Y tế khu vực Dầu Tiếng (báo cáo);
- Trung tâm Y tế khu vực Phú Giáo (báo cáo);
- Trung tâm Y tế khu vực Bàu Bàng (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc (biết);
- Các chi nhánh, Trạm cấp nước (theo dõi);
- Website Trung tâm (công bố);
- Lưu: VT, KT.Khánh.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Lưu Thuyên



Phụ lục I

CHI TIẾT THÔNG TIN NGUỒN NƯỚC KHAI THÁC, CÔNG SUẤT, SỐ MẪU NƯỚC SẠCH XÉT NGHIỆM NƯỚC SẠCH TẠI CÁC NHÀ MÁY/TRẠM CẤP NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 640/BC-TTN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn TP Hồ Chí Minh)

STT	Nhà máy/Trạm cấp nước	Công suất (m3/ngđ)	Nguồn nước khai thác	Số lượng mẫu nước sạch xét nghiệm quý II/2026	
				Nhóm A	Nhóm B
I	Các nhà máy cấp nước KV1 (công suất ≥ 1000 m3/ngày.đêm)			69	23
1	Sông Ray	10.000	nước mặt	12	4
2	Đá Bàn	20.000	nước mặt	12	4
3	Long Tân	6.000	nước ngầm	9	3
4	Sông Hòa	5.400	nước mặt	9	3
5	Hòa Hiệp	6.000	nước mặt	9	3
6	Châu Pha	5.000	nước mặt	9	3
7	Cù Bị	1.000	nước ngầm	9	3
II	Các trạm cấp nước KV2			217	77
1	Các Trạm cấp nước công suất ≥ 1000 m3/ngày.đêm			157	57
1.1	Tân Long	1.800	nước ngầm	9	3
1.2	Phước Hòa	1.440	nước ngầm	9	3
1.3	An Bình	2.160	nước ngầm	9	3
1.4	Vĩnh Hòa	1.920	nước ngầm	9	3
1.5	Minh Thạnh	1.800	nước ngầm	9	3
1.6	Minh Tân	1.560	nước ngầm	9	3
1.7	Thanh An	1.800	nước ngầm	9	3
1.8	Định Hiệp	1.248	nước ngầm	9	3
1.9	Long Hòa	2.640	nước ngầm	9	3
1.10	Bạch Đằng	1.800	nước ngầm	9	3
1.11	Lạc An	3.600	nước mặt	9	3
1.12	Thanh Hội	1.080	nước mặt	9	3
1.13	Tân Bình	1.920	nước ngầm	7	3
1.14	Bình Mỹ	1.440	nước ngầm	7	3
1.15	An Thái	1.488	nước ngầm	7	3
1.16	An Lập	1.200	nước ngầm	7	3
1.17	Thanh Tuyên	1.440	nước ngầm	7	3

1.18	Long Tân	1.080	nước ngầm	7	3
1.19	Minh Hòa	1.200	nước ngầm	7	3
2	Các Trạm cấp nước công suất <1000 m³/ngày.đêm			60	20
2.1	Tân Hiệp	600	nước ngầm	6	2
2.2	Phước Sang	600	nước ngầm	6	2
2.3	An Linh	720	nước ngầm	6	2
2.4	Hiếu Liêm 1	480	nước ngầm	6	2
2.5	Hiếu Liêm 2	480	nước ngầm	6	2
2.6	Tân Lập	480	nước ngầm	6	2
2.7	Định Lộc	48	nước ngầm	6	2
2.8	Trừ Văn Thố	960	nước ngầm	6	2
2.9	Tam Lập	550	nước mặt	6	2
2.10	Định Thành	648	nước mặt	6	2